

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nagakawa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, thù lao sẽ trả cho Hội đồng quản trị không quá 2% và Ban kiểm soát không quá 0,5% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2016, sau khi thống nhất ý kiến, các thành viên HĐQT nhận thù lao 2% và BKS nhận thù lao 0,5% lợi nhuận trước thuế theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam năm 2017 như sau:

- + Thù lao cho HĐQT: Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2017
- + Thù lao cho BKS: Không quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2017

Thù lao cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;
- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

### 1. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LỢI NHUẬN NĂM 2016

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2016
1	Lợi nhuận hoạt động SXKD	13.290.063.520
2	Lợi nhuận khác	1.271.382.392
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.561.445.912
4	Thuế TNDN	3.945.051.565
5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	10.616.394.347

### 2. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2016
1	Lợi nhuận sau thuế	10.616.394.347
2	Chia cổ tức 5% vốn điều lệ	7.424.788.000
3	Trích trả thù lao HĐQT 2% LN TT	291.228.918
4	Trích trả thù lao Ban kiểm soát 0,5% LN TT	72.807.229
5	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LN ST	530.819.17
6	Lợi nhuận để lại	2.296.750.483



**3. VỀ HÌNH THỨC CHI TRẢ CỔ TỨC :**

- Chi bằng tiền mặt.
- Thời gian chi trả : Dự kiến trong quý II hoặc quý III/2017.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

**TM Hội đồng quản trị**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Nguyễn Đức Khả*



## TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nagakawa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam - VAE
3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
4. Công ty TNHH Kiểm toán VACO
5. Công ty TNHH Kiểm toán độc lập quốc gia Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2017 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khải

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 04 năm 2017

## TỜ TRÌNH

(Vv: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016,  
kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017)

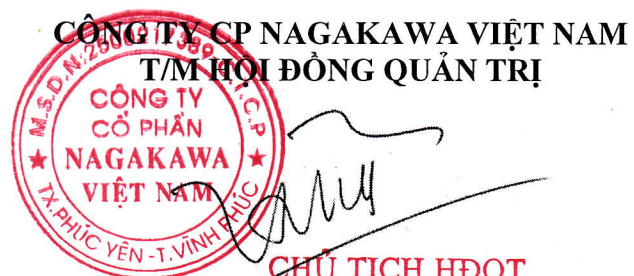
Thông qua báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch chỉ tiêu hoạt động năm 2017, HĐQT công ty xin kính trình đại hội kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của CTCP Nagakawa Việt Nam như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	360.000.000.000	390.538.408.231	108,5%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000	11.322.431.839	75,48%

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của công ty, HĐQT công ty xin đưa ra chỉ tiêu cụ thể hoạt động trong năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Doanh thu	450.000.000.000
2.	Lợi nhuận	16.000.000.000

Kính trình đại hội cổ đông xem xét và thông qua ./.



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Đức Khả*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NAGAKAWA VIỆT NAM**

---o0o---

Số: 01/2017/TTr-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---o0o---

Vinh Phúc, ngày 21 tháng 04 năm 2017

# **TỜ TRÌNH**

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2016)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (Báo cáo chi tiết đính kèm).

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN ĐỨC KHẢ**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>299.865.987.242</b>	<b>255.574.884.356</b>
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	8.545.805.292	7.402.031.777
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	827.000.000	280.099.050
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	134.000.500.468	145.400.809.559
IV	Hàng tồn kho	152.756.761.847	101.037.080.065
V	Tài sản ngắn hạn khác	3.735.919.635	1.454.863.905
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>41.843.930.486</b>	<b>28.070.662.628</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	22.275.179.246	23.051.753.404
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	22.275.179.246	23.051.753.404
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	17.725.708.094	4.167.252.826
VI	Tài sản dài hạn khác	1.843.043.145	851.656.398
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>160.511.242.914</b>	<b>117.959.032.427</b>
I	Nợ ngắn hạn	159.886.478.181	116.928.988.794
II	Nợ dài hạn	624.764.733	1.030.043.633
<b>D</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>181.198.674.814</b>	<b>165.686.514.557</b>
I	Vốn chủ sở hữu	181.198.674.814	165.686.514.557
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	148.495.780.000	148.495.780.000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.500.593.946	3.500.593.946
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	13.222.040.161	5.103.452.274
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	10.308.170.707	2.914.598.337
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>



## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>390.538.408.231</b>	<b>327.246.949.686</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.388.889.639	950.195.946
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>386.149.518.592</b>	<b>326.296.753.740</b>
4	Giá vốn hàng bán	319.552.670.260	286.112.966.939
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>66.596.848.332</b>	<b>40.183.786.801</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.028.581.218	1.622.816.733
7	Chi phí tài chính	7.677.512.790	8.380.288.115
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>7.388.025.599</i>	<i>6.978.305.407</i>
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.558.455.268	(3.504.000)
9	Chi phí bán hàng	25.476.149.231	14.047.569.637
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.721.458.863	13.046.095.775
11	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.308.763.934</b>	<b>6.329.146.007</b>
12	Thu nhập khác	6.385.901.121	8.210.029.708
13	Chi phí khác	5.201.239.762	361.341.162
14	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.184.661.359</b>	<b>7.848.688.546</b>
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.493.425.293</b>	<b>14.177.834.553</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.231.199.016	3.671.955.592
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(300.777.932)	(62.435.828)
18	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>11.563.004.209</b>	<b>10.568.314.789</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	11.322.431.839	10.526.052.441
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	240.572.370	42.262.348
19	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>762</b>	<b>709</b>
20	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>762</b>	<b>709</b>

## III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,25	9,90
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,75	90,10
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	46,97	41,59
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	53,03	58,41
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,92	1,32
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,88	2,19
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,38	3,73
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,99	3,24
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,38	6,38
5	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,05	2,81
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		113,01	115,04

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Huyền Chi Dung



Ngày 28 tháng 03 năm 2017

Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hòa



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NAGAKAWA VIỆT NAM**

Số: 115 TB/NAG-17

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 04 năm 2017

## **THÔNG BÁO**

V/v: Về việc đề cử nhân sự vào HĐQT và BKS.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;

Để hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tuân thủ theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng thông báo tới Quý vị cổ đông về việc đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

### **1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

Công ty sẽ tổ chức bầu lại thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty hiện hành.

### **2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Để chuẩn bị danh sách ứng cử viên bầu vào HĐQT và BKS theo đúng tiêu chuẩn và số lượng được ghi trong Điều lệ Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đề nghị quý cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế ứng cử, đề cử (được gửi kèm thông báo này) thực hiện ứng cử/đề cử những ứng cử viên đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty.

Xin trân trọng thông báo./.

#### **Nơi gửi:**

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu.

**CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM  
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN ĐỨC KHẢ**

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 04 năm 2017.

**QUY CHẾ**  
**BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM -- NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam;**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam quy định Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

**Điều 1: Đối tượng và nguyên tắc bầu cử.**

- Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền bầu cử và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.
- Bầu cử đúng luật, đúng điều lệ hiện hành của Công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

**Điều 2: Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:**

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới cần bầu: 05 thành viên.
- Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:
  - ✓ Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Điều 13 Luật doanh nghiệp;
  - ✓ Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% trong tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

**Điều 3: Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử hoặc được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

- Các cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên;
- Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai thành viên;
- Từ 30% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba thành viên;
- Từ 50% đến dưới 65% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Việc đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

#### **Điều 4: Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.**

- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ mới cần bầu: 03 thành viên
- Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ công ty và các tiêu chuẩn khác theo Luật doanh nghiệp, cụ thể:
  - ✓ Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
  - ✓ Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
  - ✓ Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty, phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.
  - ✓ Thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty

#### **Điều 5. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.**

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 04 ứng viên;
- Và nếu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên.

Việc đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

#### **Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS**

##### **1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:**

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông/ nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 17/3/2017 - ngày chốt Danh sách cổ đông hợp ĐHĐCĐ thường niên 2017 của Công ty CP Nagakawa Việt Nam).

## 2. Thời hạn và địa chỉ gửi giấy ủy quyền và hồ sơ đề cử.

Hồ sơ đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức trước ngày 14/04/2017 theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ: Ban Quan hệ cổ đông - Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam.  
Tầng 2, số 96A, Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 04.32151335 – Ext 106 – Email: banquanhecodong@nagakawa.com.vn.

Hồ sơ đề cử gửi về Công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.

### Điều 7: Phương thức bầu cử.

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng ứng viên trên tổng số ứng cử viên được đề cử của HĐQT/BKS.

*Ví dụ:*

- Cổ đông sở hữu 1000 cổ phần của CT CP Nagakawa Việt Nam, ĐHĐCĐ sẽ bỏ phiếu để bầu ra 05 thành viên HĐQT;

- Cổ đông sẽ có:  $1000 (CP) \times 05 (TVHĐQT \text{ được bầu}) = 5000 \text{ phiếu bầu};$

- Cổ đông có thể dồn hết 5000 phiếu bầu cử trên cho 01 ứng cử viên hoặc chia 5000 phiếu bầu cho các ứng cử viên (nhưng số ứng cử viên được chia phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng 5) sao cho tổng số phiếu bầu bằng hoặc nhỏ hơn 5000.

### Điều 8. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT/BKS.

- Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, việc bầu lại vẫn được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

### Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty CP Nagakawa Việt Nam thông qua tại Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC KHẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN ỨNG CỬ  
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Tôi tên là: .....

CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

(Bằng chữ: .....) )

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: .....) )

Bằng chữ: .....) )

**Tổng số cổ phần đại diện: ..... cổ phần**

(Bằng chữ: .....) )

Thời gian sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam liên tục đến ngày 17/03/2017 là trên 06 tháng

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam và Luật Doanh nghiệp, tôi thấy đủ điều kiện ứng cử tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam cho tôi được ứng cử tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nhiệm kỳ 2017-2022.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch cá nhân theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày ..... tháng 04 năm 2017

**CỔ ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ CỬ  
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Tôi tổ chức/cá nhân: .....

CMND/ĐKKD số: .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

(Bằng chữ: .....) )

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: .....) )

Bằng chữ: .....) )

**Tổng số cổ phần đại diện: ..... cổ phần**

(Bằng chữ: .....) )

Thời gian sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam liên tục đến ngày 17/03/2017 là trên 06 tháng

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam và Luật Doanh nghiệp, tôi/chúng tôi thấy đủ điều kiện để đề cử ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Nagakawa cho tôi/chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022, cụ thể như sau:

Ông (Bà): .....

CMND số: .....Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ: .....) )

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng 04 năm 2017

**CỔ ĐÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN ỨNG CỬ  
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Tôi tên là: .....

CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

(Bằng chữ: .....) )

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: .....) )

Bằng chữ: .....) )

**Tổng số cổ phần đại diện: ..... cổ phần**

(Bằng chữ: .....) )

Thời gian sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam liên tục đến ngày 17/03/2017 là trên 06 tháng

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam và Luật Doanh nghiệp, tôi thấy đủ điều kiện ứng cử tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam cho tôi được ứng cử tham gia làm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nhiệm kỳ 2017-2022.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch cá nhân theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày ..... tháng 04 năm 2017

**CỔ ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ CỬ**

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM  
NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Tôi tổ chức/cá nhân: .....

CMND/ĐKKD số: .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

(Bằng chữ: .....) )

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: .....) )

Bằng chữ: .....) )

**Tổng số cổ phần đại diện: ..... cổ phần**

(Bằng chữ: .....) )

Thời gian sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam liên tục đến ngày 17/03/2017 là trên 06 tháng

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam và Luật Doanh nghiệp, tôi/chúng tôi thấy đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Nagakawa cho tôi/chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022, cụ thể như sau:

Ông (Bà): .....

CMND số: .....Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ: .....) )

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng 04 năm 2017

**CỔ ĐÔNG**



**Phụ lục 5: Mẫu Sơ yếu lý lịch dùng cho ứng cử viên thành viên HĐQT/BKS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam)*

- Họ và tên: .....
- Giới tính: Nam  Nữ
- Ngày sinh: .....
- Quốc tịch: .....
- CMND số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Số điện thoại liên lạc: .....
- Trình độ văn hoá: .....
- Trình độ chuyên môn: .....

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....

- Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Hồ sơ đính kèm: (CMND, bằng cấp, ...)

- .....
- .....
- .....
- .....
- .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Ứng cử viên**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*